

DISCIPLINE MANAGEMENT

1. **Path:** HR/Employee/ Discipline Management.
2. **Image:**

Group	Emp ID	Full Name	Date	Level	Create New Dis	Reason	Remark
TEMP 1	VNG-008	LÊ THỊ NGỌC YẾN	24/06/2008	LEVEL 2	<input type="checkbox"/>	đi trễ	
TEMP 1	VNG-013	TRẦN QUỐC TUẤN	09/07/2008	LEVEL 1	<input type="checkbox"/>	về sớm	
TEMP 1	VNG-013	TRẦN QUỐC TUẤN	09/07/2008	LEVEL 2	<input checked="" type="checkbox"/>	đi trễ	
TEMP 1	VNG-009	NGUYỄN NGỌC CHÂU	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-011	HỒ THỊ THU HIỀN	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-012	NGUYỄN VINH QUANG	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-014	TRƯƠNG THỊ THANH TUYẾN	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-016	NGUYỄN HƯNG HÒA	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-017	MÃ THẾ KIẾT	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-018	LÊ THỊ NGÀ	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-020	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-021	ĐẶNG THỊ THÚY VÂN	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-022	NGUYỄN ĐỨC LINH	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-023	THẠCH BẢO KỲ	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-024	LÝ VINH TRƯỞNG	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-025	TRẦN HẢI	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-026	NGUYỄN PHÚC KHÁNH MINH	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-028	NGUYỄN VĂN NGHĨA	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		
TEMP 1	VNG-030	ĐỖ MINH TÂM	06/08/2008		<input type="checkbox"/>		


3. 정의:

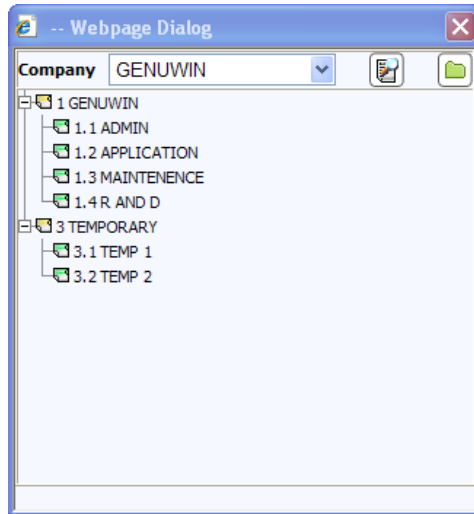
“Discipline Management”는 사용자가 기율을 사용해서 관리하는 폼이다.












요약:

- “Discipline Management” 폼: 사용자가 Department, Group, Status, Join Date, Search by (Name, Emp ID, Card ID, Personal ID, Old Code), Level, Discipline Date으로 조건을 선택한다..
- 버튼: **Search, Save, Delete, Undelete, Report.**

4. 사용법:

-  버튼: 사용자가 **Department** 링크를 클릭해서 Department 를 선택한다. 아니면 group 이나 Department를 선택하고 원하는 이름을 좌측 클릭해서 선택한다.



- Group, Status, Join Date, Search by (Name, Emp ID, Card ID, Personal ID, Old Code), Level, Discipline Date들을 선택하고  버튼을 클릭해서 기율정보를 본다.
- 직원 기율을 하고 싶으면 사용자가 list box Level를 선택하고 **Create New Dis** 클릭하거나 Reason column 에서 상세한 기율정보를 입력한다.
-  버튼 : 기율을 한후에  **Save** 버튼을 클릭해서 기율정보를 저장한다.
-  버튼: 삭제한 버튼이다. row 를 클릭해서삭제한다.  **Save** 버튼을 클릭해서 삭제한 row 를 저장한다.
- Undelete  버튼:  **Delete**버튼을 클릭한후에  **Save** 버튼을 아직 안 클릭하고 삭제하고 싶지않으면  **Undelete** 클릭해서 그row 를 다시 쓴다.
- Print  버튼:  **Print**버튼을 클릭해서 기율정보를 인쇄한다.

5. Field Description:

Field Name	Description
Department	Department name
Group	Group name
Emp ID	Employee code
Full name	Full name of employee
Date	The day of creating employee discipline
Level	Discipline level
Create New Dis	The box allow to create employee discipline.
Reason	The box to input discipline information
Remark	Note